

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /2016/NĐ-TTg
(Dự thảo)

Hà Nội, ngày tháng năm 2016

NGHỊ ĐỊNH

Quy định việc áp dụng chức danh chuyên gia cao cấp

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ,

Chính phủ ban hành Nghị định quy định việc áp dụng chức danh chuyên gia cao cấp.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định về tiêu chuẩn, nguyên tắc, thẩm quyền, trách nhiệm, điều kiện, số lượng, độ tuổi làm việc, trình tự và thủ tục thực hiện việc áp dụng chức danh chuyên gia cao cấp; xếp lương, nâng bậc lương và thực hiện chế độ nghỉ hưu đối với chuyên gia cao cấp làm việc ở các cơ quan của Đảng, Nhà nước, đoàn thể ở Trung ương.

2. Cơ quan của Đảng, Nhà nước, đoàn thể ở Trung ương (sau đây gọi chung là cơ quan Trung ương) nêu tại khoản 1 Điều này, bao gồm:

a) Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Văn phòng Trung ương và các ban của Đảng;

b) Văn phòng Chủ tịch nước;

c) Văn phòng Quốc hội;

d) Tòa án nhân dân tối cao;

đ) Viện kiểm sát nhân dân tối cao;

e) Các bộ, cơ quan ngang bộ;

g) Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia;

h) Kiểm toán Nhà nước;

i) Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;

k) Cơ quan Trung ương của Tổng liên đoàn lao động Việt Nam, Hội nông dân Việt Nam, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam và Hội cựu chiến binh Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cán bộ, công chức đã giữ chức danh Bộ trưởng, Thứ trưởng và tương đương ở các cơ quan Trung ương hoặc đã giữ chức danh Bí thư, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được bố trí vị trí công tác không giữ chức vụ lãnh đạo ở các cơ quan Trung ương.

2. Cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang, người quản lý doanh nghiệp nhà nước ngoài quy định tại khoản 1 Điều này, bao gồm:

a) Cán bộ có trình độ tiến sĩ đã giữ chức vụ Ủy viên Ban thường vụ, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được bố trí vị trí công tác không giữ chức vụ lãnh đạo ở các cơ quan Trung ương;

b) Công chức có trình độ thạc sĩ đã giữ chức vụ Vụ trưởng thuộc bộ và tương đương;

c) Viên chức có trình độ tiến sĩ đã giữ chức vụ Viện trưởng thuộc bộ và tương đương;

c) Sĩ quan quân đội nhân dân và sĩ quan công an nhân dân có trình độ tiến sĩ đã giữ chức vụ Cục trưởng và tương đương thuộc Bộ Quốc phòng và Bộ Công an;

d) Người quản lý doanh nghiệp có trình độ tiến sĩ đã giữ chức Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc tập đoàn kinh tế nhà nước.

3. Các nhà khoa học có trình độ tiến sĩ đã đạt được giải thưởng quốc tế về khoa học và công nghệ là người Việt Nam từ nước ngoài trở về Việt Nam làm việc.

Điều 3. Tiêu chuẩn chuyên gia cao cấp

1. Về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống:

a) Trung thành với Tổ quốc, với Đảng, Nhà nước, với nhân dân; nắm vững chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định đường lối đổi mới, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; có ý thức đấu tranh bảo vệ quan điểm, chủ trương đường lối của Đảng và pháp luật của Nhà nước;

b) Có phẩm chất đạo đức và lối sống trong sáng, gương mẫu; có tinh thần trách nhiệm cao, tận tụy với công việc; có tác phong dân chủ, khoa học; có khả năng tập hợp quần chúng, giữ gìn đoàn kết nội bộ;

c) Cần kiệm liêm chính, chí công vô tư; không tham nhũng và có ý thức cao trong việc phòng, chống tham nhũng; chấp hành nghiêm kỷ luật, kỷ cương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; trung thực, khách

quan, công tâm trong thực thi công vụ; gắn bó, gần gũi và lắng nghe ý kiến của nhân dân.

2. Về năng lực và chuyên môn:

a) Có năng lực vận dụng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước vào lĩnh vực chuyên ngành;

b) Có năng lực tham mưu, đề xuất việc thực hiện pháp luật và hoạch định chính sách ngành, lĩnh vực theo chủ trương, đường lối của Đảng;

c) Có tầm nhìn, có khả năng dự báo và định hướng phát triển, hoạch định chính sách vĩ mô và chỉ đạo xây dựng chiến lược phát triển về các lĩnh vực chuyên ngành;

d) Có năng lực định hướng và tổ chức có hiệu quả các hoạt động nghiên cứu khoa học phục vụ xây dựng chiến lược, cơ chế, chính sách về lĩnh vực chuyên ngành.

3. Có đủ sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ được giao.

Chương II

NGUYÊN TẮC, THẨM QUYỀN, TRÁCH NHIỆM, ĐIỀU KIỆN, SỐ LƯỢNG, ĐỘ TUỔI LÀM VIỆC, TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC THỰC HIỆN VIỆC ÁP DỤNG CHỨC DANH CHUYÊN GIA CAO CẤP

Điều 4. Nguyên tắc áp dụng

1. Bảo đảm khách quan, công bằng và đúng quy định.

2. Chuyên gia cao cấp không giữ chức danh, chức vụ lãnh đạo, quản lý.

Điều 5. Thẩm quyền, trách nhiệm

1. Về thẩm quyền:

a) Ban Bí thư quyết định việc áp dụng chức danh chuyên gia cao cấp đối với các chức danh quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định này;

b) Người đứng đầu cơ quan Trung ương quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định này quyết định việc áp dụng chức danh chuyên gia cao cấp đối với các chức danh quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 2 Nghị định này.

2. Về trách nhiệm:

a) Người đứng đầu cơ quan Trung ương chịu trách nhiệm nhận xét về tiêu chuẩn, điều kiện, năng lực, phẩm chất của nhân sự và tổ chức thực hiện trình tự, thủ tục đối với nhân sự được đề nghị áp dụng chức danh chuyên gia cao cấp quy định tại Điều 2 Nghị định này;

b) Bộ Nội vụ chịu trách nhiệm thẩm định về tiêu chuẩn, điều kiện và trình tự, thủ tục đối với nhân sự được đề nghị áp dụng chức danh chuyên gia cao cấp ở các cơ quan Trung ương thuộc Thủ tướng Chính phủ quản lý;

c) Ban Tổ chức Trung ương chịu trách nhiệm thẩm định về tiêu chuẩn, điều kiện và trình tự, thủ tục đối với nhân sự được đề nghị áp dụng chức danh chuyên gia cao cấp ở các cơ quan Trung ương thuộc thẩm quyền quản lý của tổ chức Đảng, đoàn thể.

Điều 6. Điều kiện áp dụng

1. Đạt tiêu chuẩn quy định tại Điều 3 Nghị định này.
2. Có đầy đủ hồ sơ cá nhân được cơ quan có thẩm quyền thẩm định, xác nhận; có bản kê khai tài sản, thu nhập theo quy định.
3. Trong độ tuổi áp dụng: Không quá 60 tuổi đối với nam và không quá 55 tuổi đối với nữ. Riêng đối với cán bộ, công chức nữ quy định tại Nghị định số 53/2015/NĐ-CP ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định về nghỉ hưu ở tuổi cao hơn đối với cán bộ, công chức thì không quá 60 tuổi.
4. Có đủ sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ được giao do cơ quan y tế có thẩm quyền chứng nhận trong thời hạn 30 ngày, tính đến ngày yêu cầu nộp hồ sơ cho cơ quan tham mưu về tổ chức cán bộ.
5. Không đang trong thời gian bị xem xét xử lý kỷ luật, bị điều tra, truy tố, xét xử hoặc thi hành kỷ luật về đảng, chính quyền; không bị kỷ luật cách chức do tham nhũng hoặc bị tòa án kết án về hành vi tham nhũng.

Điều 7. Số lượng

Số lượng chuyên gia cao cấp mỗi cơ quan Trung ương không quá 3 người.

Điều 8. Độ tuổi làm việc

Độ tuổi làm việc của chuyên gia cao cấp không quá 65 tuổi đối với cả nam và nữ.

Điều 9. Trình tự, thủ tục thực hiện việc áp dụng

Tập thể lãnh đạo cơ quan Trung ương chủ trì, phối hợp với thường vụ cấp ủy cùng cấp tổ chức cuộc họp để thực hiện các công việc sau:

1. Đề xuất chủ trương, nhân sự cụ thể dự kiến áp dụng chức danh chuyên gia cao cấp do cơ quan tổ chức cán bộ trình.
2. Xem xét hồ sơ nhân sự, kết luận những vấn đề mới phát sinh (nếu có), thảo luận và biểu quyết bằng phiếu kín. Nhân sự được đề nghị áp dụng chức danh chuyên gia cao cấp phải được trên 50% tổng số thành viên dự họp bỏ phiếu đồng ý. Trường hợp nhân sự được đề nghị áp dụng chức danh chuyên gia cao cấp không đạt mức trên 50% tổng số thành viên dự họp bỏ

phiếu đồng ý thì người đứng đầu cơ quan Trung ương xem xét, quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

3. Hoàn thiện hồ sơ nhân sự trình cấp có thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định này xem xét, quyết định. Hồ sơ gồm:

a) Tờ trình đề nghị áp dụng chức danh chuyên gia cao cấp do người đứng đầu cơ quan Trung ương ký trước thời điểm nhân sự nghỉ hưu ít nhất 3 tháng (kèm theo trích ngang của nhân sự);

b) Sơ yếu lý lịch của nhân sự được đề nghị áp dụng chức danh chuyên gia cao cấp theo mẫu do Bộ Nội vụ quy định (thời điểm khai lý lịch đến thời điểm trình cấp có thẩm quyền quyết định không quá 06 tháng), có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền quản lý nhân sự;

c) Bản kê khai tài sản, thu nhập của nhân sự nhân sự được đề nghị áp dụng chức danh chuyên gia cao cấp theo mẫu do Thanh tra Chính phủ quy định;

d) Giấy chứng nhận sức khỏe.

Chương III

XẾP LƯƠNG, NÂNG BẬC LƯƠNG VÀ THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ NGHỈ HƯU ĐỐI VỚI CHUYÊN GIA CAO CẤP

Điều 10. Xếp lương, nâng bậc lương

1. Xếp lương:

a) Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định này được áp dụng chức danh chuyên gia cao cấp thì tùy từng trường hợp cụ thể được xếp lương vào bậc 2 hoặc bậc 3 bảng lương chuyên gia cao cấp do Ban Bí thư quyết định theo đề nghị của Ban Tổ chức Trung ương và giữ nguyên các chế độ, chính sách hiện hưởng;

b) Đối tượng quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 2 Nghị định này được áp dụng chức danh chuyên gia cao cấp thì được xếp lương vào bậc 1 bảng lương chuyên gia cao cấp và hưởng các chế độ, chính sách khác theo quy định chung đối với cán bộ, công chức giữ chức vụ lãnh đạo cấp vụ thuộc bộ (trừ chế độ phụ cấp chức vụ).

2. Nâng bậc lương:

Chuyên gia cao cấp được nâng bậc lương theo quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

Điều 11. Thực hiện chế độ nghỉ hưu

Trong thời gian thực hiện nhiệm vụ, nếu chuyên gia cao cấp có nguyện vọng nghỉ làm việc thì được giải quyết chế độ hưu trí theo quy định của pháp luật.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 12. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2016.

Điều 13. Trách nhiệm thi hành

Các cơ quan Trung ương của Đảng, Nhà nước, đoàn thể chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các UB của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- UB Giám sát tài chính QG;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan TW của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg CP, Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, TCCV.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc